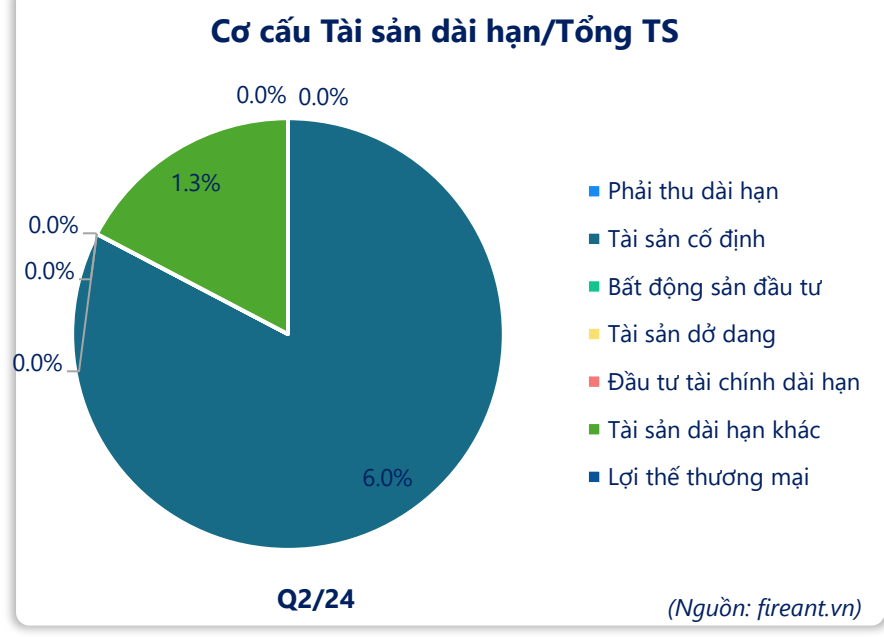
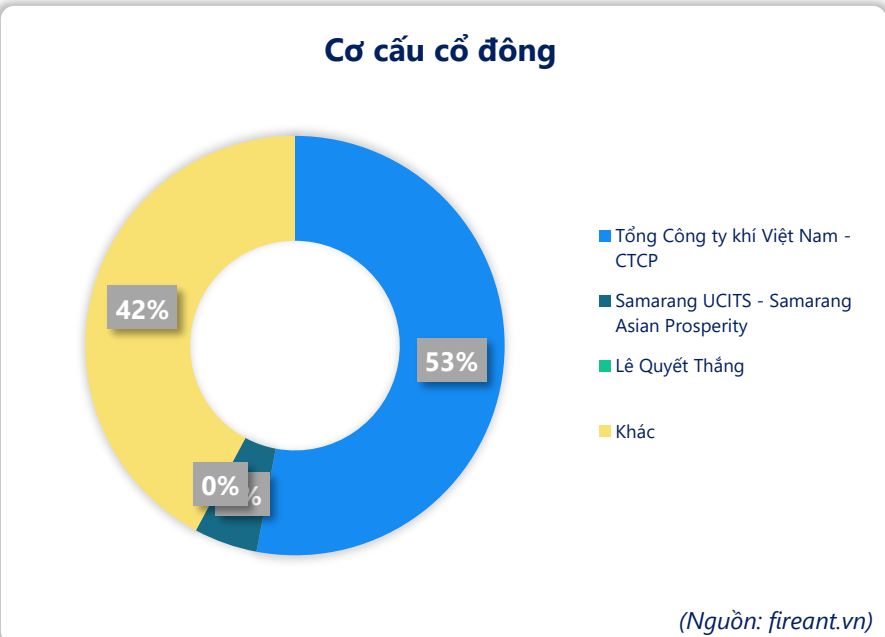
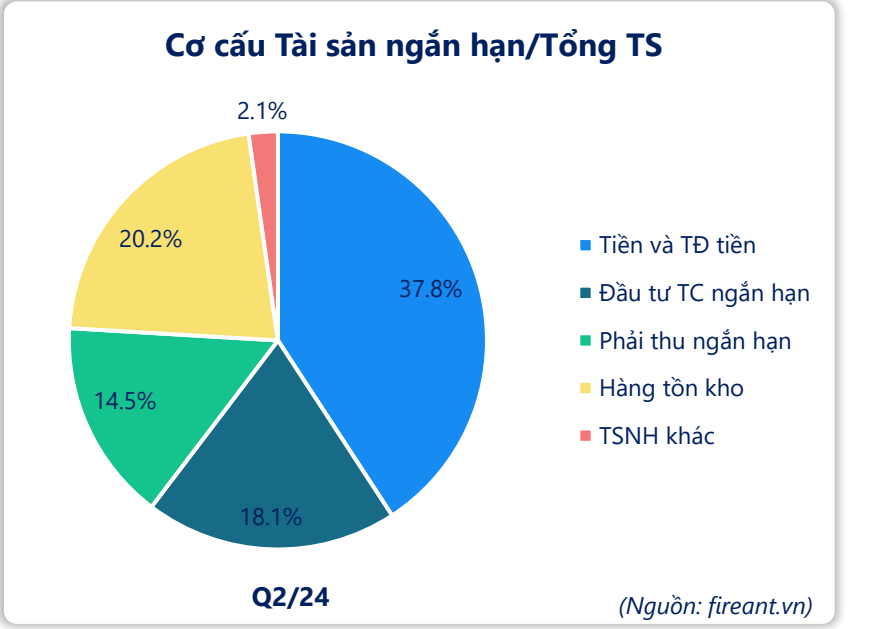
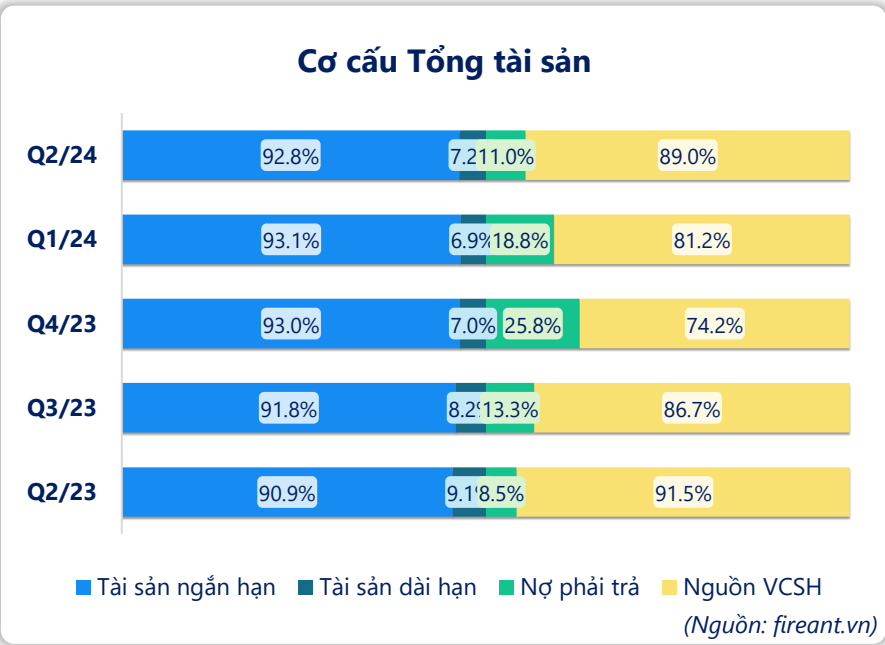
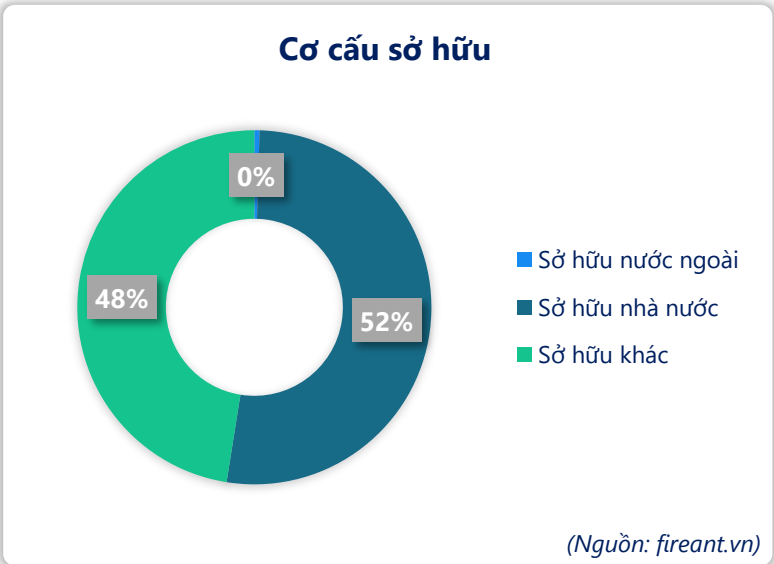
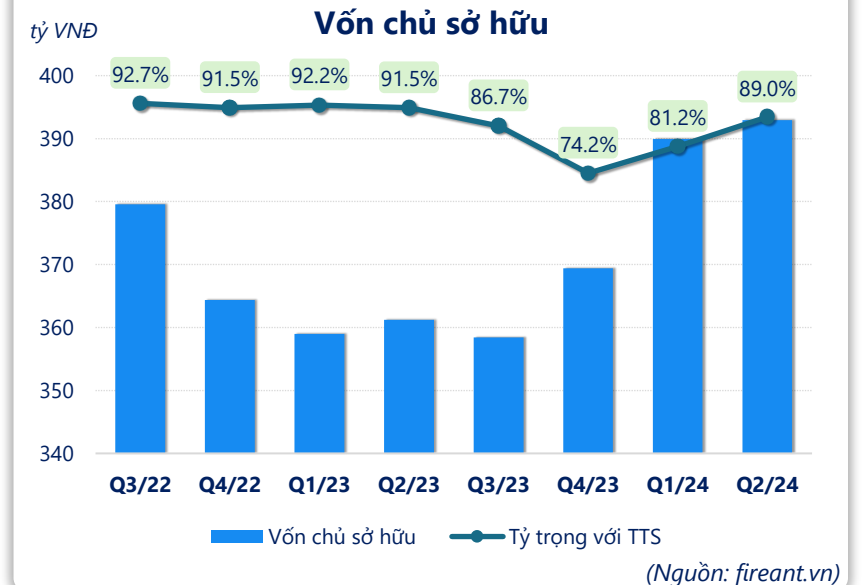
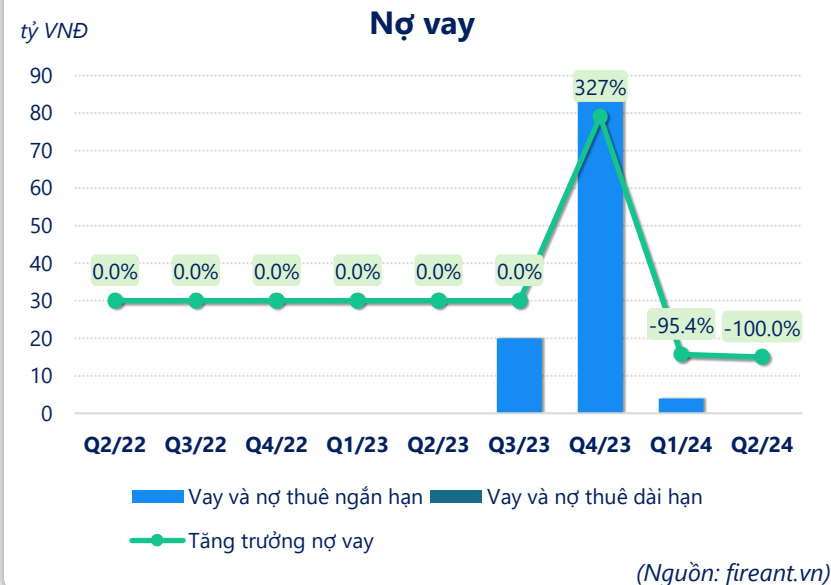
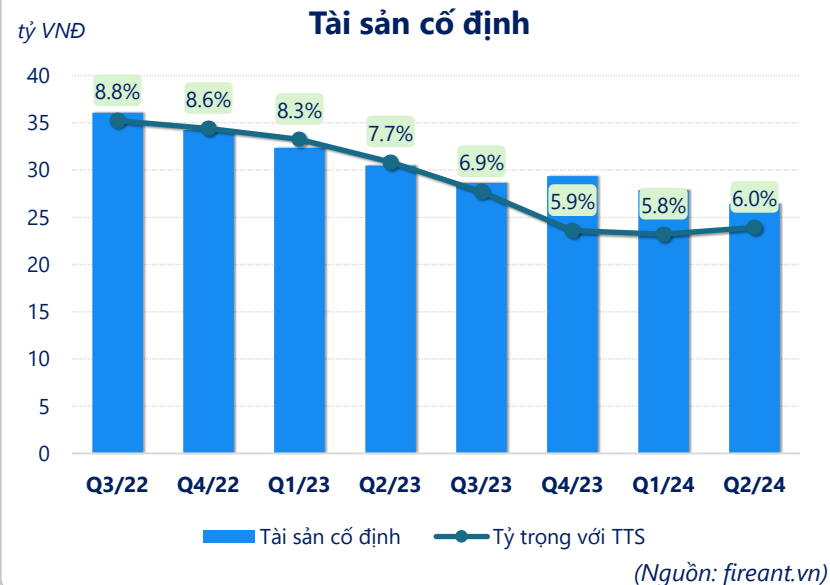
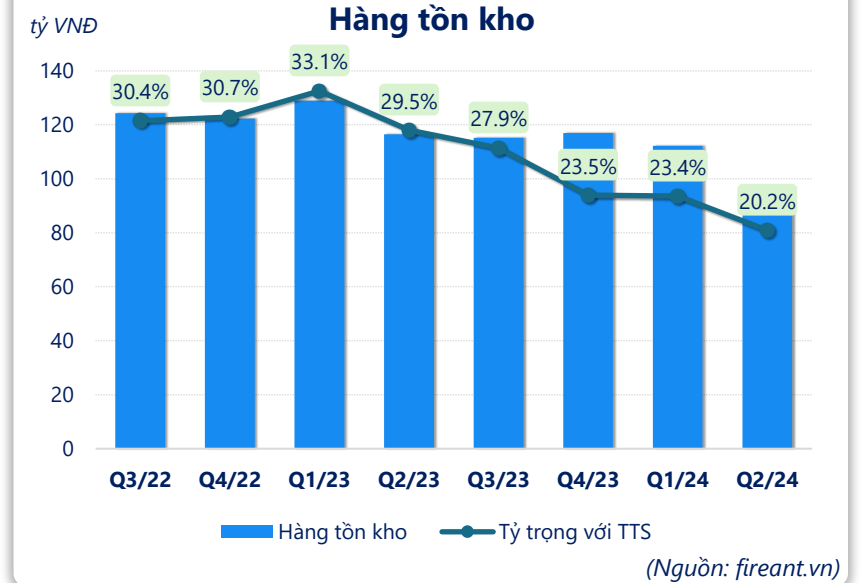
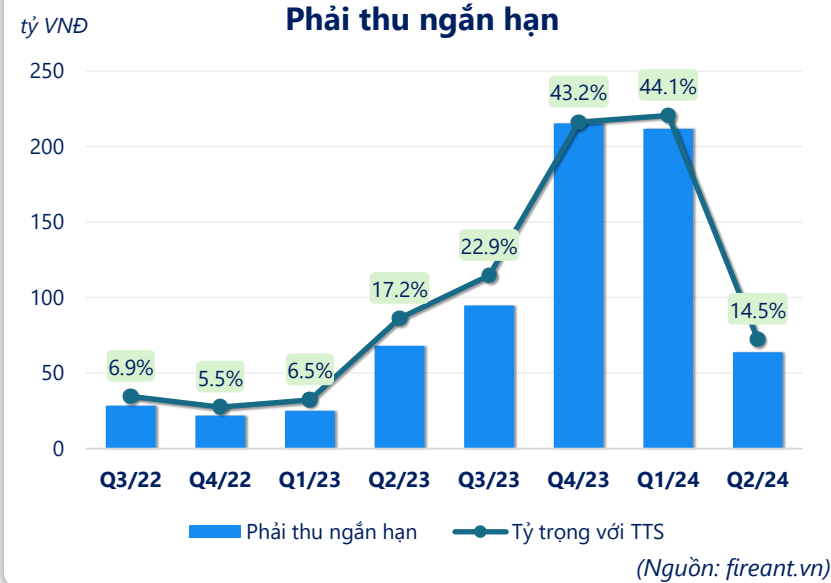
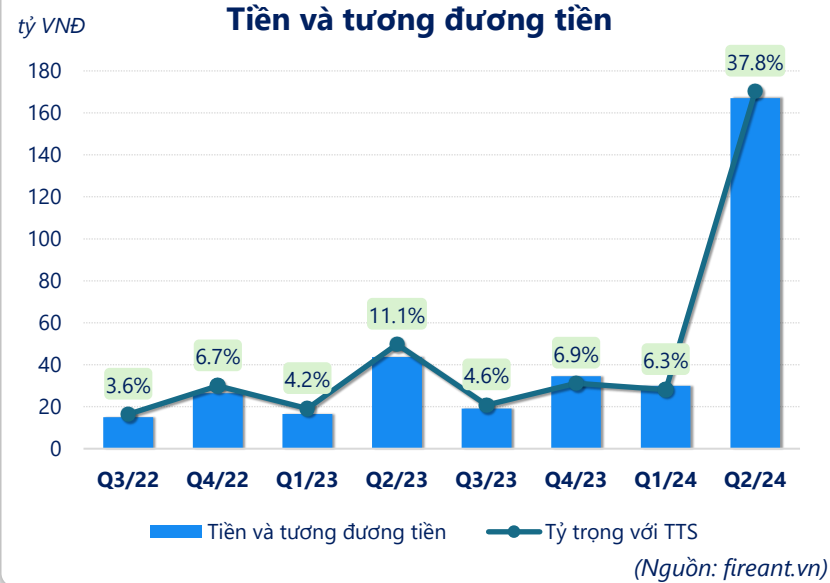
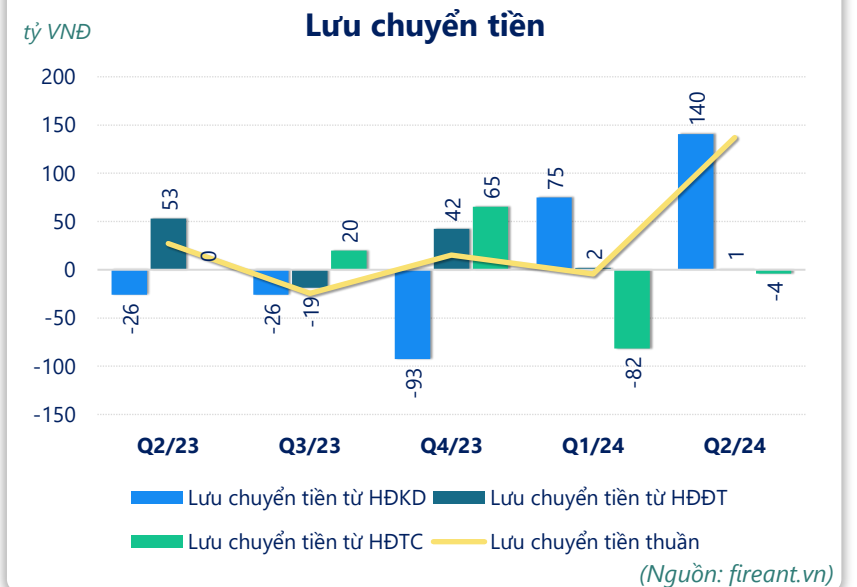
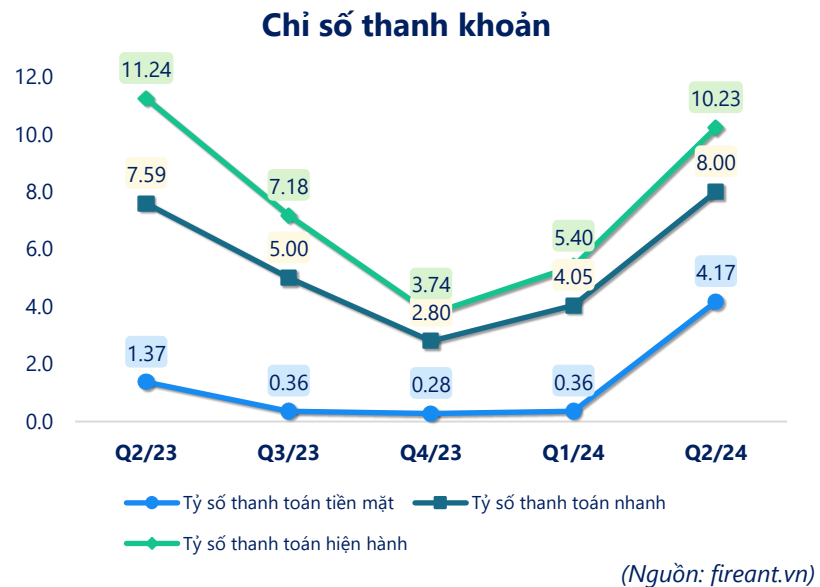
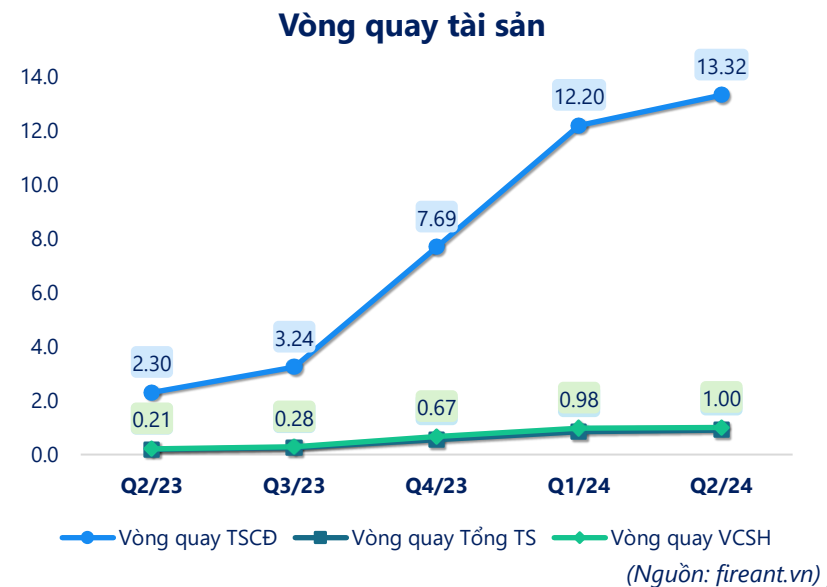
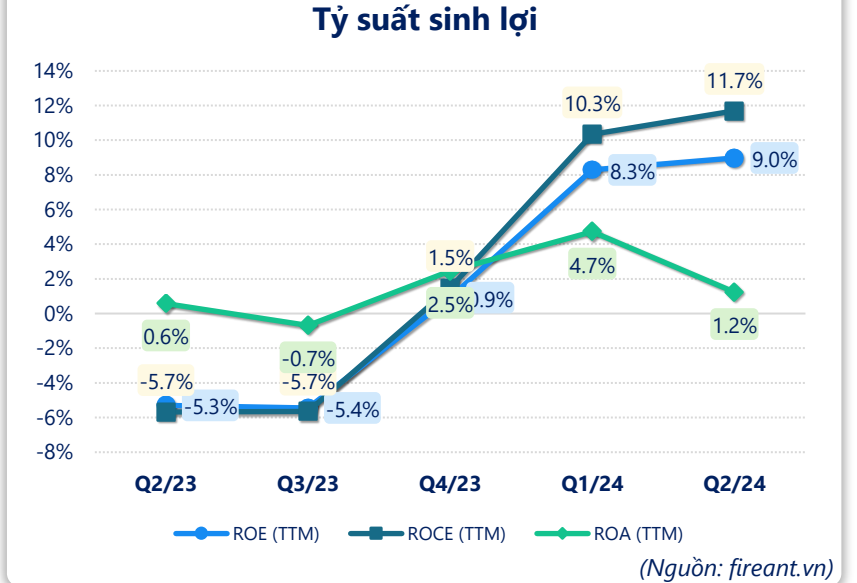
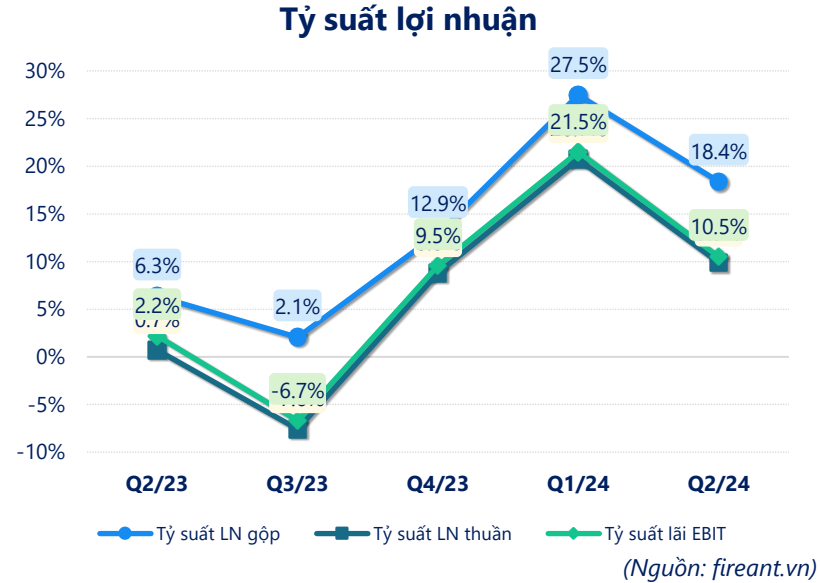
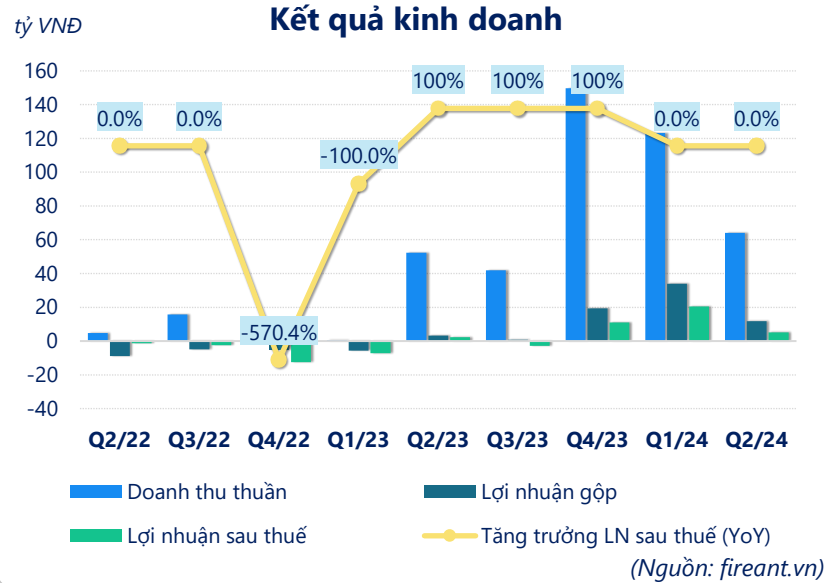


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		27,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,900
SL cổ phiếu LH		21,599,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		337,910
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		588
P/E		17.4
EPS		1,567

	YTD	1T	3T	6T
PVB	30.1%	-13.4%	11.9%	28.9%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	441	498	-11.4%
Tài sản ngắn hạn	409	463	-11.6%
Tiền và tương đương tiền	167	34.5	384%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	80.0	80.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	63.9	215	-70.3%
Hàng tồn kho	89.3	117	-23.6%
Tài sản ngắn hạn khác	9.20	16.2	-43.1%
Tài sản dài hạn	31.9	35.1	-8.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	26.4	29.4	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.53	5.70	-3.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.5	129	-62.3%
Nợ ngắn hạn	40.0	124	-67.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	85.4	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.82	24.2	-71.8%
Nợ dài hạn	8.42	4.97	69.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	393	369	6.4%
Vốn chủ sở hữu	393	369	6.4%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	52.3	41.8	150	123	64.0
Giá vốn hàng bán	49.0	40.9	130	89.4	52.2
Lợi nhuận gộp	3.32	0.86	19.3	33.8	11.8
Doanh thu HĐTC	2.93	2.84	2.00	1.00	0.93
Chi phí TC	-0.02	0.17	1.43	0.85	0.28
Chi phí lãi vay	-0.02	0.02	1.31	0.85	0.28
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	5.90	6.71	6.72	8.44	6.08
LN thuần từ HĐKD	0.38	-3.17	13.2	25.6	6.34
Lợi nhuận khác	0.78	0.35	-0.19	0.09	0.10
LN trước thuế	1.16	-2.82	13.0	25.6	6.44
Lợi nhuận sau thuế	2.34	-2.82	11.0	20.5	5.15
LNST của CĐ cty mẹ	2.34	-2.82	11.0	20.5	5.15

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-25.8	-25.9	-92.5	75.1	140
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	53.0	-18.6	42.5	1.96	0.53
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	20.0	65.4	-81.5	-3.90
Tiền đầu kỳ	16.5	43.7	19.2	34.5	30.0
Lưu chuyển tiền thuần	27.1	-24.5	15.4	-4.52	137
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	43.7	19.2	34.5	30.0	167

(Nguồn: fireant.vn)